

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính
và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ
của cơ quan hành chính nhà nước huyện Tuy Phước giai đoạn 2023 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021- 2030;

Căn cứ Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 05/04/2023 về việc ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND huyện về ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh, Kế hoạch số 25-KH/HU ngày 14/12/2021 của Huyện ủy thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy Bình Định và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch cải cách hành chính huyện Tuy Phước năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Nội vụ huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước huyện Tuy Phước giai đoạn 2023 - 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành thuộc huyện,

Thủ trưởng các cơ quan của tỉnh đóng trên địa bàn huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- TT. VH-TT-TT;
- Công/Trang TTĐT huyện/xã, thị trấn;
- Lưu: VT, K4

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Nam

KẾ HOẠCH

**Nâng cao Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng của người dân,
tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước
huyện Tuy Phước giai đoạn 2023 - 2025**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính của huyện đảm bảo bám sát mục tiêu, hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch số 25-KH/HU ngày 14/12/2021 của Huyện ủy về thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy Bình Định và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII về cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch thực hiện ban hành kèm theo Quyết định số 890/QĐ-UBND 09/03/2022 của UBND huyện.

b) Xác định các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tạo chuyển biến đồng bộ, thực chất trên các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

2. Yêu cầu

a) Các nhiệm vụ, giải pháp đề ra phải khả thi, sát với yêu cầu tại các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của quy định xác định Chỉ số PAR INDEX của UBND tỉnh.

b) Các cơ quan, đơn vị, địa phương, đặc biệt là các cơ quan được giao chủ trì, phân công theo dõi các lĩnh vực cải cách hành chính (CCHC) của huyện đánh giá đúng thực trạng, kết quả thực hiện các nội dung và triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao Chỉ số PAR INDEX và Chỉ số SIPAS của huyện.

c) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Kế hoạch này nhằm thực hiện tốt công tác CCHC.

d) Tiếp tục thông tin, tuyên truyền về ý nghĩa, kết quả các chỉ số tới đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân, tổ chức để nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm và sự đồng thuận xã hội đối với công tác CCHC.

II. MỤC TIÊU

1. Tiếp tục đẩy mạnh CCHC nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình, lấy người dân làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.

2. Phân đấu kết quả Chỉ số PAR INDEX của huyện luôn nằm trong 5 đơn vị dẫn đầu đối với nhóm các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh và điểm Chỉ số cải cách hành chính năm sau cao hơn năm trước.

3. Chỉ số SIPAS đạt từ 90% trở lên; Chỉ số khảo sát đại biểu Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức lãnh đạo các cấp đạt từ 80% trở lên.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Triển khai, tổ chức thực hiện đầy đủ và đúng quy định trên các lĩnh vực theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ; các văn bản quy định, hướng dẫn của tỉnh.

b) Hoàn thành 100% nhiệm vụ CCHC theo Kế hoạch đề ra.

c) Kiểm tra tối thiểu 30% các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý.

d) Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo công tác CCHC định kỳ theo đúng thời gian quy định.

đ) Hoàn thành 100% các nội dung, nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh giao cho UBND huyện.

e) Tổ chức thông tin, tuyên truyền về nhiệm vụ CCHC của huyện trên Cổng thông tin điện tử huyện, hệ thống đài phát thanh từ huyện đến xã, thị trấn. Tổ chức Hội nghị tập huấn, Hội thi, tọa đàm về CCHC.

g) Hàng năm, phân đấu có ít nhất 01 sáng kiến hoặc giải pháp mới về công tác CCHC được UBND huyện duyệt.

h) Tổ chức ít nhất 01 Hội nghị đối thoại/diễn đàn giữa lãnh đạo UBND huyện với người dân, tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn huyện. 100% các đề xuất, kiến nghị của người dân, tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư được giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

2. Cải cách thể chế

a) Thực hiện đầy đủ các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật được quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành. 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra,

khảo sát tình hình thi hành pháp luật được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

b) Thường xuyên rà soát văn bản quy phạm pháp luật của huyện để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, ban hành mới đối với các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung không phù hợp với quy định của tỉnh, Trung ương hoặc không đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý, điều hành. Kiểm tra, xử lý văn bản có dấu hiệu chưa phù hợp với quy định của pháp luật, cản trở quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

3. Cải cách thủ tục hành chính

a) 100% thủ tục hành chính (TTHC) và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện, xã, thị trấn được công khai đảm bảo theo quy định trên Cổng/Trang thông tin điện tử huyện/xã, thị trấn.

b) 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ. 100% hồ sơ TTHC được đồng bộ và công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của tỉnh.

c) Trên 99% hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng và sớm hạn. 100% hồ sơ TTHC trễ hạn thực hiện việc xin lỗi kịp thời.

d) 100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện được tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai trên Cổng dịch vụ công của tỉnh.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Kịp thời ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện theo quy định của Trung ương. 100% cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo cơ cấu số lượng lãnh đạo theo quy định.

b) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; thường xuyên kiểm tra các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn; 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý.

5. Cải cách chế độ công vụ

a) Thường xuyên rà soát, hoàn thiện đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế theo quy định; 100% cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành Bản mô tả công việc/Danh mục vị trí việc làm và khung năng lực cho từng vị trí việc làm và bố trí công chức, viên chức đúng vị trí việc làm.

b) Tổ chức các kỳ thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức; thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo đúng kế hoạch và quy định của pháp luật.

c) Hoàn thành 100% kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm. Đảm bảo 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

d) Thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra thực thi công vụ, xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

6. Cải cách tài chính công

a) Phấn đấu hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm. 100% cơ quan đơn vị thực hiện đúng quy định về sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước. Hoàn thành 100% các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách

b) 100% các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của huyện ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công tại các cơ quan, đơn vị.

c) Phấn đấu tăng dần số lượng các đơn vị tự chủ tự bảo đảm một phần chi thường xuyên. Đến năm 2025, giảm 10% chi trực tiếp ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập của huyện so với năm 2021.

d) 100% cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

a) Ứng dụng Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây. 100% các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) và 100% số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức.

b) 100% hồ sơ công việc tại các cơ quan, đơn vị, địa phương được tạo lập và xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước). Thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu của huyện đối với cấp trên theo quy định.

c) Thường xuyên nâng cấp và đẩy mạnh hoạt động của Cổng/Trang thông tin điện tử của huyện/xã, thị trấn. Phấn đấu tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC điện tử đạt tối thiểu 30%; 100% TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình.

d) Phấn đấu trên 80% hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến. 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến.

8. Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ số SIPAS đạt từ 90% trở lên; Chỉ số khảo sát đại biểu Hội đồng nhân dân đạt từ 80% trở lên.

b) Phấn đấu thu ngân sách huyện của khu vực doanh nghiệp năm sau tăng hơn so với năm trước.

c) Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm đạt và vượt do Hội đồng nhân dân huyện giao.

(Kèm theo Phụ lục danh mục các nhiệm vụ, giải pháp)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

2. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai thực hiện kế hoạch này theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành thuộc huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn

a) Người đứng đầu các cơ quan, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn phải xác định rõ công tác CCHC là trách nhiệm của người đứng đầu và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện về thực hiện các giải pháp để nâng cao Chỉ số PAR INDEX và Chỉ số SIPAS của huyện.

b) Căn cứ Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công theo dõi, chủ trì thực hiện cải thiện đối với từng nội dung có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện theo chỉ tiêu, kết quả đã được xác định.

c) Định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện các nội dung trong kế hoạch này (lồng ghép trong báo cáo công tác CCHC) gửi về UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) để theo dõi, chỉ đạo.

2. Phòng Nội vụ huyện

a) Tham mưu giúp UBND huyện chỉ đạo, triển khai thực hiện Kế hoạch này. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, trình UBND huyện các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành và kiểm tra việc thực hiện CCHC.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND huyện thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tổ chức bộ máy hành chính và cải cách chế độ công vụ.

d) Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị tự đánh giá, chấm điểm, tổng hợp tài liệu kiểm chứng trong công tác tự chấm điểm Chỉ số PAR INDEX của huyện; làm đầu mối, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong quá trình triển khai điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước theo yêu cầu của Phòng Nội vụ.

đ) Hàng quý, 06 tháng, cuối năm tổng hợp, báo cáo UBND huyện và Sở Nội vụ kết quả thực hiện theo quy định.

3. Phòng Tư pháp huyện

a) Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND huyện nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn huyện.

4. Văn phòng HĐND và UBND huyện

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND huyện thực hiện các nhiệm vụ về cải cách TTHC; nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa huyện và tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về TTHC.

b) Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan trong việc vận hành Cổng Thông tin điện tử huyện; Hệ thống thông tin báo cáo các cấp; Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên địa bàn huyện.

c) Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

5. Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện

a) Tham mưu giúp UBND huyện trong việc đảm bảo kinh phí để triển khai chương trình, kế hoạch công tác CCHC của huyện; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị nội dung, định mức chi, phương thức quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí bảo đảm công tác CCHC hàng năm theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND huyện thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công; theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

c) Chủ trì, tham mưu UBND huyện đổi mới cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

d) Tham mưu, đề xuất UBND huyện thực hiện cải cách TTHC trên lĩnh vực đầu tư.

6. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp, theo dõi, tham mưu, đề xuất UBND huyện thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số; đẩy mạnh phát triển chính quyền điện tử trên địa bàn huyện theo chương trình, đề án, kế hoạch đã được phê duyệt và theo Kế hoạch này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tiếp tục xây dựng, phát triển, vận hành Cổng/Trang thông tin điện tử huyện/xã, thị trấn phù hợp với từng giai đoạn.

c) Hướng dẫn và phối hợp với Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến các nội dung, nhiệm vụ CCHC giai đoạn 2021 - 2025.

7. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND huyện gặp gỡ, đối thoại, trao đổi với doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh để hỗ trợ đơn vị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị mở rộng sản xuất kinh doanh.

8. Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao huyện

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về CCHC; xây dựng các tin, bài về CCHC trên chuyên trang về công tác CCHC để tuyên truyền CCHC và việc thực hiện Kế hoạch này, thông tin kịp thời những sáng kiến, giải pháp CCHC của huyện đến người dân, doanh nghiệp.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn huyện tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.

**PHỤ LỤC
CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỂ NÂNG CAO
KẾT QUẢ CHỈ SỐ PAR INDEX VÀ CHỈ SỐ SIPAS HUYỆN TUY PHƯỚC GIAI ĐOẠN 2023-2025**

S T T	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1.	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC				
1.1.	Thực hiện kế hoạch CCHC	Hoàn thành 100% nhiệm vụ CCHC đã đề ra theo Kế hoạch CCHC hàng năm của huyện	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	
1.2.	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	Các báo cáo của UBND huyện gửi Sở Nội vụ phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định	Phòng Nội vụ	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
1.3.	Công tác kiểm tra CCHC		Phòng Nội vụ		
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn (CQCM) thuộc UBND huyện và UBND xã, thị trấn được kiểm tra trong năm	Tiến hành kiểm tra định kỳ và chuyên đề công tác CCHC tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện và UBND cấp huyện đạt từ 30% trở lên		Phòng Nội vụ, Văn phòng HĐND và UBND	Các cơ quan, đơn vị, địa phương

S T T	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
				huyện	
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	100% các cơ quan, đơn vị được kiểm tra có báo cáo khắc phục các tồn tại hạn chế mà các Đoàn kiểm tra CCHC đã chỉ ra		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Phòng Nội vụ, Văn phòng HĐND và UBND huyện
1.4.	Công tác tuyên truyền CCHC	<ul style="list-style-type: none"> - Các bài viết về những kết quả đạt được và những tồn tại hạn chế, nguyên nhân, tình hình triển khai các nhiệm vụ CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương; các mô hình hay, điển hình tốt trong công tác CCHC trên Cổng thông tin điện tử huyện, hệ thống đài truyền thanh huyện, xã, thị trấn. - Hội nghị tập huấn CCHC, Hội thi CCHC, tọa đàm CCHC. 	Phòng Văn hóa và Thông tin	- Phòng Nội vụ, Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trung tâm Văn hóa – Thông tin - Thể thao	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
1.5.	Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC	Mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương có ít nhất 01 sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Phòng Kinh tế và Hạ tầng
1.6.	Đối thoại của lãnh đạo huyện với người dân, doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu tổ chức Hội nghị, Hội thảo đối thoại giữa Lãnh đạo UBND huyện với người dân và doanh nghiệp. - Tham mưu ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp. 	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các phòng, ban, ngành liên quan	Phòng Nội vụ

S T T	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		nghiệp tại các cuộc đối thoại/diễn đàn; - Xử lý 100% đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý.			
1.7.	Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	Hoàn thành 100% nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	
2.	CẢI CÁCH THỂ CHẾ				
2.1.	Theo dõi thi hành pháp luật (TĐTHPL)		Phòng Tư pháp		
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về TĐTHPL	- Thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật. - Thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật.		Phòng Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TĐTHPL theo thẩm quyền		Phòng Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
2.2.	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)		Phòng Tư pháp		
2.2.1	Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Kịp thời ban hành văn bản công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo quy định của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Tư pháp		Phòng Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
2.2.2	Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL	- Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL. - Danh mục tổng hợp các văn bản cần xử lý sau rà		Phòng Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, địa

S T T	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	sau rà soát	soát và kèm theo tiến độ, kết quả xử lý. - Các văn bản chứng minh kết quả rà soát đã được xử lý.			phương
2.3.	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị	- Lập danh mục các văn bản cần phải xử lý sau kiểm tra. - Các văn bản chứng minh kết quả kiểm tra đã được xử lý.	Phòng Tư pháp	Phòng Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
3.	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
3.1.	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	- 100% TTHC được rà soát, kiểm soát theo quy định (nội dung TTHC, thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, điều kiện thực hiện TTHC...) - Có các kiến nghị cải cách TTHC; kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung VBQPPL quy định TTHC (nếu có).	Văn phòng HĐND và UBND huyện; Phòng Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	
3.2.	Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ		Văn phòng HĐND và UBND huyện		
3.2.1	Công khai TTHC và các quy định có liên quan	- Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Cổng/Trang thông tin điện tử huyện/xã, thị trấn. - Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời tại Bộ phận Một cửa huyện, xã, thị trấn.		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	
3.2.2	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	- 100% hồ sơ TTHC được tiếp nhận, trả kết quả, công khai tiến độ giải quyết hồ sơ trên Cổng DVC tỉnh		Các cơ quan, đơn vị, địa	Văn phòng HĐND và UBND

S T T	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
				phương	huyện
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông		Văn phòng HĐND và UBND huyện		
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	- 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện được tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa huyện. - 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã được tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa xã, thị trấn.		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng HĐND và UBND huyện
3.3.2	Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt	- Trên 90% TTHC thuộc ngành dọc quy định tại Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ		Các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn huyện	
3.3.3	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	- Đạt 30 TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng HĐND và UBND huyện
3.3.4	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	- Đạt 15 TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng HĐND và UBND huyện
3.4.	Kết quả giải quyết hồ sơ		Văn phòng		

S T T	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	TTHC		HĐND và UBND huyện		
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Trên 99% hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn, trước hạn		Các cơ quan thuộc UBND huyện	Văn phòng HĐND và UBND huyện
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND huyện, UBND xã, thị trấn tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn, trước hạn	Trên 99% hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn, trước hạn		UBND huyện, xã, thị trấn	Văn phòng HĐND và UBND huyện
3.4.3	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	100% hồ sơ TTHC trễ hẹn thực hiện việc xin lỗi kịp thời trong giải quyết hồ sơ TTHC		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng HĐND và UBND huyện
3.4.4	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương	Trên 80% chất lượng giải quyết TTHC của huyện được đánh giá đạt mức tốt trở lên		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng HĐND và UBND huyện
3.5.	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết		Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	

S T T	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	của huyện				
3.5.1	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện	100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện được giải quyết kịp thời		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng HĐND và UBND huyện
3.5.2	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của huyện	100% kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện được công khai trên cổng Dịch vụ công		Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
4.	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY				
4.1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị		Phòng Nội vụ		
4.1.1	Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện	Kịp thời ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện		Các cơ quan, đơn vị liên quan	Phòng Nội vụ
4.1.2	Thực hiện cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính theo các tiêu chí	Số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện đáp ứng tiêu chí quy định		Các cơ quan, đơn vị liên quan	Phòng Nội vụ
4.1.3	Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021	- Thực hiện giảm 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021 (giai đoạn 2022-2025)		Các cơ quan, đơn vị liên quan	Phòng Nội vụ

S T T	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
4.2.	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế		Phòng Nội vụ		
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	Biên chế hành chính của huyện đang sử dụng không vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao hàng năm		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Phòng Nội vụ
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của huyện	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của huyện không vượt quá số lượng người làm việc được giao hàng năm		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Phòng Nội vụ
4.3.	Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước		Phòng Nội vụ		
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước do Trung ương, tỉnh ban hành	Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Trung ương và các quy định khác của tỉnh về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Phòng Nội vụ
4.3.2	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn	Tổ chức thực hiện kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Phòng Nội vụ
4.3.3	Xử lý, kiến nghị xử lý các vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua kiểm tra	- Báo cáo kết quả kiểm tra, kết quả xử lý, kiến nghị xử lý các nội dung phân cấp, phân quyền - Các văn bản chứng minh đã xử lý các vấn đề sau kiểm tra		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Phòng Nội vụ

S T T	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
5.	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ				
5.1.	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm		Phòng Nội vụ		
5.1.1	Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	Ban hành kịp thời các văn bản để hoàn thiện các quy định về vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh đối với các cơ quan, tổ chức hành chính		Các cơ quan, đơn vị liên quan	Phòng Nội vụ
5.1.2	Cơ quan, tổ chức hành chính của huyện bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	Phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm khi có quy định mới		Các cơ quan, đơn vị liên quan	Phòng Nội vụ
5.1.3	Đơn vị sự nghiệp thuộc huyện bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	Phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm khi có quy định mới		Các cơ quan, đơn vị liên quan	Phòng Nội vụ
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức		Phòng Nội vụ		
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức cấp xã	Việc tuyển dụng công chức cấp xã (bao gồm cả thi tuyển và tiếp nhận) phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.		Các xã, thị trấn có nhu cầu	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện	Việc tuyển dụng viên chức tại các đơn vị SNCL phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.		Các cơ quan, đơn vị, địa phương theo nhu cầu thực tế của đơn	Phòng Nội vụ

S T T	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
				vị	
5.3.	Bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý		Phòng Nội vụ		
5.3.1	Thực hiện quy định về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý	Việc bổ nhiệm phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn bằng cấp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.		Các cơ quan, đơn vị liên quan	Phòng Nội vụ
5.4.	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	100% CCVC chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	
5.5.	Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức		Phòng Nội vụ		
5.5.1	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Hoàn thành 100% nhiệm vụ trong Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC		Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
5.6.	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã	- Duy trì 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ - 100% công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	
6.	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
6.1.	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách		Phòng Tài chính - Kế		

S T T	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			hoạch		
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN)	Phân đầu thực hiện giải ngân 100% số tiền NSNN phải giải ngân theo Kế hoạch		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Phòng Kinh tế và Hạ tầng
6.1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	100% các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN đảm bảo theo quy định		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	
6.1.3	Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	Hoàn thành 100% kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách		Các cơ quan, đơn vị, địa phương được nêu trong các kiến nghị	
6.2.	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công		Phòng Tài chính - Kế hoạch		
6.2.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	100% các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Phòng Tài chính - Kế hoạch
6.2.2	Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công - Thực hiện cập nhật số liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công		Phòng Tài chính - Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị, địa phương

S T T	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
6.2.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	Từ 85% số cơ sở nhà, đất trở lên thuộc thẩm quyền quản lý được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý		Phòng Tài chính – Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
6.3.	Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)		Phòng Tài chính – Kế hoạch		
6.3.1	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	Có thêm đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên trong năm		Các cơ quan, đơn vị liên quan	Phòng Tài chính – Kế hoạch
6.3.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	<ul style="list-style-type: none"> - Có thêm đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên - Có thêm đơn vị tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên - Có thêm đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên 		Các cơ quan, đơn vị liên quan	Phòng Tài chính – Kế hoạch
6.3.3	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL.	100% các đơn vị SNCL sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính đảm bảo theo quy định		Các cơ quan, đơn vị liên quan	Phòng Tài chính – Kế hoạch
6.3.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2021	- Thực hiện giảm 10% chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2021 (giai đoạn 2022-2025)		Các cơ quan, đơn vị liên quan	Phòng Tài chính – Kế hoạch
7.	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN				

S T T	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ				
7.1.	Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu		Phòng Văn hóa và Thông tin		
7.1.1	Triển khai, duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử theo quy định	Tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định của Trung ương, tỉnh		Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.1.2	Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức	Triển khai sử dụng 100% số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức		Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.2.	Ứng dụng tốt các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước		Phòng Văn hóa và Thông tin; Văn phòng HĐND và UBND huyện		
7.2.1	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng tại huyện	- 100% các cơ quan, đơn vị có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử đạt từ 50% trở lên (Trừ văn bản, hồ sơ mật)		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Nội vụ

S T T	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
7.2.2	Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền	100% các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi, nhận văn bản điện tử qua hệ thống văn phòng điện tử của huyện		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Phòng Văn hóa và Thông tin
7.2.3	Vận hành Hệ thống thông tin báo cáo các cấp	- 100% chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu của huyện được kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh		Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.3.	Ứng dụng tốt các ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức		Văn phòng HĐND và UBND huyện		
7.3.1	Cổng Thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	- Cổng Thông tin điện tử của huyện đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định; - Cổng Thông tin điện tử của huyện đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6		Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.3.2	Thiết lập, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC trên cơ sở Cổng DVC và Hệ thống thông tin một cửa điện tử và có đầy đủ tính năng theo quy định		Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
7.3.3	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	- Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện đạt tối thiểu 20% - Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã đạt tối thiểu 15%		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng HĐND và UBND huyện

S T T	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
7.3.4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Thực hiện 100% số dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng HĐND và UBND huyện
7.3.5	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	Trên 80% hồ sơ TTHC của dịch vụ công trực tuyến toàn trình được giải quyết trực tuyến		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng HĐND và UBND huyện
7.3.6	Thực hiện thanh toán trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính và có đủ điều kiện triển khai được triển khai thanh toán trực tuyến. - 100% TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến - 100% hồ sơ TTHC đã giải quyết của các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính đang triển khai thanh toán trực tuyến được giao dịch thanh toán trực tuyến 		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng HĐND và UBND huyện
8.	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI				
8.1.	Chỉ số hài lòng (SIPAS)		Phòng Nội vụ; Văn phòng HĐND và UBND		

S T T	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			huyện		
8.1. 1	Việc ban hành, tổ chức thực hiện các chính sách	<p>1. Cung cấp thông tin về chính sách cho người dân Niết yết công khai, tổ chức tuyên truyền các chính sách mới cho người dân (tại cơ quan, trên đài phát thanh xã/thị trấn, họp tổ dân phố/thôn, đăng tải trên công/trang thông tin điện tử ...)</p> <p>2. Sự tham gia của người dân Tổ chức xin ý kiến người dân đối với các chính sách (đăng tải trên công/trang thông tin điện tử, họp/phỏng vấn tại khu dân cư, phiếu xin ý kiến/phiếu khảo sát gửi tới người dân ...)</p> <p>3. Chất lượng chính sách Tổ chức tuyên truyền sự phù hợp của các chính sách cho người dân biết và sử dụng (về phát triển kinh tế; khám, chữa bệnh; giáo dục phổ thông; trật tự an toàn xã hội; giao thông đường bộ; điện, nước sinh hoạt; an sinh xã hội ...)</p> <p>4. Kết quả tác động của chính sách Tổ chức tuyên truyền kết quả mang lại của các chính sách góp phần giúp cho kinh tế gia đình, đời sống của người dân ngày càng tốt hơn trong thời gian qua</p>		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Các cơ quan có liên quan
8.1. 2	Việc cung ứng dịch vụ hành chính công	<p>1. Tiếp cận - Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận Một cửa các cấp đáp ứng và phục vụ tốt nhất các nhu cầu của người dân, tổ chức trong giải quyết TTHC: + Bảng hiệu Bộ phận Một cửa, bảng niêm yết, thông báo rõ ràng, đầy đủ; + Bố trí đầy đủ ghế ngồi, bàn viết hồ sơ, quạt máy</p>		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Nội vụ

S T T	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		<p>(máy lạnh), nước uống cho người dân, tổ chức; + Trang bị đầy đủ máy tra cứu TTHC, máy scan, máy photocopy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng hóa các hình thức cung cấp thông tin về TTHC: Thông qua phương tiện thông tin đại chúng, ứng dụng CNTT, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức tiếp cận, tìm hiểu để thực hiện khi có nhu cầu. <p>2. Thủ tục hành chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng quy định về giải quyết TTHC; - Thường xuyên rà soát, đơn giản hóa TTHC, giảm số lượng giấy tờ, thời gian giải quyết TTHC; - Tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân, tổ chức thực hiện TTHC toàn trình hoặc một phần, thanh toán trực tuyến, sử dụng dịch vụ bưu chính công ích khi có nhu cầu giải quyết TTHC; - Định kỳ tổ chức đối thoại với người dân, tổ chức về TTHC, giải quyết TTHC; thanh tra, kiểm tra việc giải quyết TTHC, quy trình nghiệp vụ của CBCCVC tham gia giải quyết TTHC <p>3. Công chức trực tiếp giải quyết công việc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, bố trí CBCCVC có đủ năng lực chuyên môn, có đạo đức tốt, có kinh nghiệm và kỹ năng giao tiếp làm việc tại Bộ phận Một cửa - Tổ chức tập huấn nâng cao chuyên môn, kỹ năng giao tiếp cho CBCCVC làm việc tại Bộ phận Một cửa - Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ; xử lý kịp 			

S T T	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		<p>thời đối với CBCCVVC có thái độ những nhiều, gây khó khăn khi giao tiếp phục vụ người dân, tổ chức đến liên hệ giải quyết TTHC</p> <p>4. Kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC đảm bảo phù hợp với quy định, có thông tin đầy đủ, chính xác và đảm bảo tính công bằng; - Thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định. - Thực hiện nghiêm việc xin lỗi người dân, tổ chức đối với những hồ sơ TTHC trễ hẹn - Tổ chức đánh giá chất lượng giải quyết TTHC <p>5. Cơ quan chính quyền tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nghiêm yết công khai đường dây nóng, các quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức; - Tổ chức tiếp nhận, xử lý các góp ý, phản ánh kiến nghị và thông báo kết quả xử lý cho người dân, tổ chức; - Công khai đầy đủ những nội dung đã tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức 			
8.2.	Mức độ thu hút đầu tư	Triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp xúc tiến đầu tư của huyện. Phần đầu số vốn thu hút đầu tư năm sau tăng hơn so với năm trước liền kề trên địa bàn huyện	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các cơ quan, đơn vị, địa phương

S T T	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu đạt được	Cơ quan theo dõi	Cơ quan thực hiện	
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
8.3.	Mức độ phát triển doanh nghiệp		Phòng Tài chính – Kế hoạch		
8.3. 1.	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách huyện của khu vực doanh nghiệp	Thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ lệ đóng góp của khu vực doanh nghiệp vào thu ngân sách của huyện. Phân đầu thu ngân sách huyện của khu vực doanh nghiệp năm sau tăng hơn so với năm trước liền kề trên địa bàn huyện		Phòng Tài chính – Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
8.4.	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND huyện giao	100% các chỉ tiêu phát triển KT-XH đạt và vượt so với kế hoạch	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	